

DANH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ
THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-DHSP ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
1	DTS225D1402010019	Vi Thị Đạt	1.404.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
2	DTS225D140201001	Hà Phương Anh	1.404.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
3	DTS225D14020100124	Hoàng Thị Quy	1.404.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
4	DTS225D1402010073	Lưu Thị Hường	1.404.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
5	DTS225D1402010040	Bàn Thanh Giang	1.404.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
6	DTS225D14020100118	Triệu Thị Ninh	1.404.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
7	DTS225D14020100112	Triệu Thị Thu Nhung	1.404.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
8	DTS225D14020100130	Mã Thị Thắm	1.404.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
9	DTS225D14020100154	Trần Thị Thùy Trang	1.404.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
10	DTS225D14020100142	Mông Thị Diệu Thơm	1.404.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
11	DTS225D14020100163	Vương Hồng Vân	1.404.000	GD Mầm non K57A	GD Mầm non	
12	DTS225D1402010014	Mạc Thắm Chi	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
13	DTS225D1402010020	Vàng Thị Dếnh	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
14	DTS225D1402010023	Đoàn Hồng Diễm	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
15	DTS225D1402010044	Lò Thị Hà	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
16	DTS225D1402010086	Phương Thùy Linh	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
17	DTS225D1402010092	Hoàng Cẩm Ly	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
18	DTS225D1402010053	La Mỹ Hào	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
19	DTS225D1402010050	Nguyễn Thị Hạnh	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
20	DTS225D1402010089	Vương Thị Lua	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
21	DTS225D1402010098	Phùng Tả Mây	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
22	DTS225D14020100113	Dương Thị Hồng Nhung	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
23	DTS225D14020100119	Hoàng Thị Oanh	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
24	DTS225D14020100146	Sầm Thu Thủy	1.404.000	GD Mầm non K57B	GD Mầm non	
25	DTS225D140201009	Đàm Thùy Biên	1.404.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
26	DTS225D1402010021	Nguyễn Thị Diễm	1.404.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
27	DTS225D1402010045	Nguyễn Thị Hải	1.404.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
28	DTS225D14020100129	Lò Thị Tâm	1.404.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
29	DTS225D14020100153	Lường Thị Huyền Trang	1.404.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
30	DTS225D14020100168	Lục Thị Xuân	1.404.000	GD Mầm non K57C	GD Mầm non	
31	DTS235D140201028	Hoàng Thị Diệu	1.404.000	GD Mầm non K58A	GD Mầm non	
32	DTS235D140201055	Lầu Thị Mai Hoa	1.404.000	GD Mầm non K58A	GD Mầm non	
33	DTS235D140201106	Đinh Thị Hương Ly	1.404.000	GD Mầm non K58A	GD Mầm non	
34	DTS235D140201037	Quách Thị Giang	1.404.000	GD Mầm non K58A	GD Mầm non	
35	DTS235D140201112	Giàng Thị My	1.404.000	GD Mầm non K58A	GD Mầm non	
36	DTS235D140201127	Mào Thị Hồng Ngọc	1.404.000	GD Mầm non K58A	GD Mầm non	
37	DTS235D140201115	Hà Mỹ Na	1.404.000	GD Mầm non K58A	GD Mầm non	
38	DTS235D140201124	Quách Thị Hoài Ngọc	1.404.000	GD Mầm non K58A	GD Mầm non	
39	DTS235D140201142	Nông Thị Thu Phương	1.404.000	GD Mầm non K58A	GD Mầm non	
40	DTS235D140201199	Chu Thị Vui	1.404.000	GD Mầm non K58A	GD Mầm non	
41	DTS235D140201008	Triệu Thị Bấy	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
42	DTS235D140201020	Lò Thị Chương	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
43	DTS235D140201026	Hoàng Bích Diệp	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
44	DTS235D140201065	Nông Thị Huệ	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
45	DTS235D140201056	Sùng Thị Hoa	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
46	DTS235D140201062	Lò Thị Hồng	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
47	DTS235D140201086	Hà Thị Vĩnh Lê	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
48	DTS235D140201089	Nông Thị Khánh Linh	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
49	DTS235D140201110	Lường Thị Mai	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
50	DTS235D140201131	Hoàng Thị Nguyệt	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
51	DTS235D140201152	Thào Thị Thanh	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
52	DTS235D140201158	Nông Thị Thảo	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
53	DTS235D140201170	Hoàng Minh Thương	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
54	DTS235D140201188	Nông Thị Thanh Tú	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
55	DTS235D140201182	Nông Thị Bích Trang	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
56	DTS235D140201194	Sùng Thị Hoàng Vân	1.404.000	GD Mầm non K58B	GD Mầm non	
57	DTS235D140201015	Xa Huyền Chăm	1.404.000	GD Mầm non K58C	GD Mầm non	
58	DTS235D140201024	Quách Thị Diên	1.404.000	GD Mầm non K58C	GD Mầm non	
59	DTS235D140201051	Nguyễn Thu Hiền	1.404.000	GD Mầm non K58C	GD Mầm non	
60	DTS235D140201066	Bùi Minh Huệ	1.404.000	GD Mầm non K58C	GD Mầm non	
61	DTS235D140201069	La Thu Hường	1.404.000	GD Mầm non K58C	GD Mầm non	
62	DTS235D140201135	Thang Triệu Yến Nhi	1.404.000	GD Mầm non K58C	GD Mầm non	
63	DTS235D140201141	Lò Thị Phương	1.404.000	GD Mầm non K58C	GD Mầm non	
64	DTS235D140201087	Lý Mây Liềm	1.404.000	GD Mầm non K58C	GD Mầm non	
65	DTS235D140201090	Nông Thị Thùy Linh	1.404.000	GD Mầm non K58C	GD Mầm non	
66	DTS235D140201129	Lò Thị Nguyệt	1.404.000	GD Mầm non K58C	GD Mầm non	
67	DTS235D140201144	Lò Thị Phượng	1.404.000	GD Mầm non K58C	GD Mầm non	
68	DTS245D140201009	Lương Ngọc Ánh	1.404.000	GD Mầm non K59A	GD Mầm non	
69	DTS245D140201025	Hoàng Thu Diễm	1.404.000	GD Mầm non K59A	GD Mầm non	
70	DTS245D140201041	Hoàng Thị Hương Giang	1.404.000	GD Mầm non K59A	GD Mầm non	
71	DTS245D140201093	Ngọc Tâm Lan	1.404.000	GD Mầm non K59A	GD Mầm non	
72	DTS245D140201157	Thắm Bích Phượng	1.404.000	GD Mầm non K59A	GD Mầm non	
73	DTS245D140201161	Lò Thị Quỳnh	1.404.000	GD Mầm non K59A	GD Mầm non	
74	DTS245D140201181	Thang Thị Kiều Thơm	1.404.000	GD Mầm non K59A	GD Mầm non	
75	DTS245D140201193	Nông Thị Thúy	1.404.000	GD Mầm non K59A	GD Mầm non	
76	DTS245D140201189	Triệu Thị Huyền Thương	1.404.000	GD Mầm non K59A	GD Mầm non	
77	DTS245D140201225	Lý Thảo Vy	1.404.000	GD Mầm non K59A	GD Mầm non	
78	DTS245D140201169	Ngôn Thị Thanh Tâm	1.404.000	GD Mầm non K59A	GD Mầm non	
79	DTS245D140201002	Chu Thị Lan Anh	1.404.000	GD Mầm non K59B	GD Mầm non	
80	DTS245D140201022	Vàng Thị Đề	1.404.000	GD Mầm non K59B	GD Mầm non	
81	DTS245D140201096	Ma Hoàng Hạnh Linh	1.404.000	GD Mầm non K59B	GD Mầm non	
82	DTS245D140201166	Vừ Thị Sía	1.404.000	GD Mầm non K59B	GD Mầm non	
83	DTS245D140201178	Mã Hồng Thơ	1.404.000	GD Mầm non K59B	GD Mầm non	
84	DTS245D140201194	La Thị Thúy	1.404.000	GD Mầm non K59B	GD Mầm non	
85	DTS245D140201114	Đào Thị Mai	1.404.000	GD Mầm non K59B	GD Mầm non	
86	DTS245D140201003	Nông Thị Quỳnh Anh	1.404.000	GD Mầm non K59C	GD Mầm non	
87	DTS245D140201015	Chu Thị Chi	1.404.000	GD Mầm non K59C	GD Mầm non	
88	DTS245D140201039	Phạm Thị Hồng Gấm	1.404.000	GD Mầm non K59C	GD Mầm non	
89	DTS245D140201055	Hứa Thị Thu Hằng	1.404.000	GD Mầm non K59C	GD Mầm non	
90	DTS245D140201139	Sì Xá Nhự	1.404.000	GD Mầm non K59C	GD Mầm non	
91	DTS245D140201131	Sùng Minh Nguyệt	1.404.000	GD Mầm non K59C	GD Mầm non	
92	DTS245D140201187	Mã Thị Minh Thu	1.404.000	GD Mầm non K59C	GD Mầm non	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
93	DTS245D140201222	Nguyễn Thị Hồng Vân	1.404.000	GD Mầm non K59C	GD Mầm non	
94	DTS245D140201084	Ma Thị Ngọc Huyền	1.404.000	GD Mầm non K59D	GD Mầm non	
95	DTS245D140201080	Nông Thị Hồng Hương	1.404.000	GD Mầm non K59D	GD Mầm non	
96	DTS245D140201052	Đinh Thúy Hằng	1.404.000	GD Mầm non K59D	GD Mầm non	
97	DTS245D140201104	Lò Thị Hà Linh	1.404.000	GD Mầm non K59D	GD Mầm non	
98	DTS245D140201120	Hoàng Thị Trà My	1.404.000	GD Mầm non K59D	GD Mầm non	
99	DTS245D140201156	Đàm Thị Thu Phương	1.404.000	GD Mầm non K59D	GD Mầm non	
100	DTS225D14020200203	Đàm Diệu Thương	1.404.000	Giáo dục tiểu học K57A	GDTH	
101	DTS225D1402020055	Triệu Thị Hằng	1.404.000	Giáo dục tiểu học K57A	GDTH	
102	DTS225D14020200185	Trương Thị Tươi	1.404.000	Giáo dục tiểu học K57B	GDTH	
103	DTS225D14020200176	Đàm Thị Thúy	1.404.000	Giáo dục tiểu học K57B	GDTH	
104	DTS225D1402020021	Lò Thị Bích	1.404.000	Giáo dục tiểu học K57C	GDTH	
105	DTS225D14020200141	Lò Phong Quái	1.404.000	Giáo dục tiểu học K57C	GDTH	
106	DTS225D1402020087	Đặng Thị Mai Lan	1.404.000	Giáo dục tiểu học K57C	GDTH	
107	DTS225D14020200108	Hoàng Ngọc Mai	1.404.000	Giáo dục tiểu học K57C	GDTH	
108	DTS225D1402050024	Lý Thị Xuân	1.404.000	Giáo dục chính trị K57	GDCT	
109	DTS225D1402110023	Hoàng Tồn Liêu	1.404.000	Vật lý K57	Vật Lý	
110	DTS235D140202159	Sùng Thị Nừ	1.404.000	Giáo dục Tiểu học K58B	GDTH	
111	DTS235D140202225	Đặng Thị Phương Chuyên	1.404.000	Giáo dục Tiểu học K58B	GDTH	
112	DTS235D140202072	Bùi Thị Hậu	1.404.000	Giáo dục Tiểu học K58B	GDTH	
113	DTS235D140202146	Ma Thị Ngân	1.404.000	Giáo dục Tiểu học K58C	GDTH	
114	DTS235D140205021	Hoàng Thị Tình	1.404.000	Giáo dục Chính trị K58	GDCT	
115	DTS235D140205012	Triệu Thị Nhó	1.404.000	Giáo dục Chính trị K58	GDCT	
116	DTS245D140202031	Triệu Thị Chi	1.404.000	GD Tiểu học K59A	GDTH	
117	DTS245D140202074	Nguyễn Thị Thu Huyền	1.404.000	GD Tiểu học K59C	GDTH	
118	DTS245D140202036	Dương Thị Diễm	1.404.000	GD Tiểu học K59C	GDTH	
119	DTS245D140211016	Vàng Thị Dương Sen	1.404.000	Vật lý K59	Vật lý	
120	DTS245D140211023	Hoàng Mỹ Uyên	1.404.000	Vật lý K59	Vật lý	
121	DTS245D140205010	Dương Thị Hiền	1.404.000	GD Chính trị K59	GDCT	
122	DTS245D140205009	Lộc Thị Thu Hiền	1.404.000	GD Chính trị K59	GDCT	
123	DTS245D140205004	Lý Thị Công	1.404.000	GD Chính trị K59	GDCT	
124	DTS245D140205018	Hoàng Thị Tươi	1.404.000	GD Chính trị K59	GDCT	
125	DTS235D140217075	Nông Kim Tuyên	1.404.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
126	DTS235D140217015	Bùi Thị Hương Giang	1.404.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
127	DTS235D140217078	Bùi Thị Thảo Vân	1.404.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
128	DTS235D140217010	Lường Thị Dung	1.404.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
129	DTS235D140217063	Pờ Ly Thu	1.404.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
130	DTS235D140217070	Hoàng Thị Thùy	1.404.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
131	DTS235D140217065	Hoàng Thị Thư	1.404.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
132	DTS235D140217046	Lăng Thị Hồng Nhung	1.404.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
133	DTS235D140217024	Giàng Thị Thu Hoa	1.404.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
134	DTS235D140217017	Nguyễn Hương Giang	1.404.000	SP Ngữ văn K58A	Khoa Ngữ Văn	
135	DTS235D140217009	Ma Thị Doa	1.404.000	SP Ngữ văn K58B	Khoa Ngữ Văn	
136	DTS235D140217023	Hoàng Văn Hiếu	1.404.000	SP Ngữ văn K58B	Khoa Ngữ Văn	
137	DTS235D140217018	Nông Phương Giao	1.404.000	SP Ngữ văn K58B	Khoa Ngữ Văn	
138	DTS235D140217082	Nguyễn Bích Hợp	1.404.000	SP Ngữ văn K58B	Khoa Ngữ Văn	
139	DTS225D1402170059	Vì Thị Nga	1.404.000	SP Ngữ văn K57A	Khoa Ngữ Văn	
140	DTS225D1402170090	Phan Thị Hoài Thương	1.404.000	SP Ngữ văn K57B	Khoa Ngữ Văn	
141	DTS245D140217017	Lý Thị Hằng	1.404.000	SP Ngữ văn K59A	Ngữ văn	
142	DTS245D140217013	Hà Tiến Đạt	1.404.000	SP Ngữ văn K59A	Ngữ văn	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
143	DTS245D140217093	Vàng Thùy Trinh	1.404.000	SP Ngữ văn K59A	Ngữ văn	
144	DTS245D140217061	Thần Ngọc Oanh	1.404.000	SP Ngữ văn K59A	Ngữ văn	
145	DTS245D140217025	Bế Thị Kim Hồng	1.404.000	SP Ngữ văn K59A	Ngữ văn	
146	DTS245D140217049	Chèo Chin Mây	1.404.000	SP Ngữ văn K59A	Ngữ văn	
147	DTS245D140217015	Nông Thị Thu Hà	1.404.000	SP Ngữ văn K59A	Ngữ văn	
148	DTS245D140217082	Nguyễn Đàm Minh Thu	1.404.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
149	DTS245D140217046	Triệu Thị Lý	1.404.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
150	DTS245D140217068	Quách Thị Hồng Quyên	1.404.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
151	DTS245D140217100	Lường Thị Xuân	1.404.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
152	DTS245D140217080	Hoàng Thị Thoan	1.404.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
153	DTS245D140217070	Bùi Thị Như Quỳnh	1.404.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
154	DTS245D140217022	Giàng Thị Hoa	1.404.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
155	DTS245D140217098	Phan Thị Xuân Vui	1.404.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
156	DTS245D140217014	Bùi Thị Thùy Duyên	1.404.000	SP Ngữ văn K59B	Ngữ văn	
157	DTS235D140231091	Lý Thị Vàng	1.404.000	SP Tiếng Anh K58A	Ngoại ngữ	
158	DTS235D140231046	Hạc Thị Huyền	1.404.000	SP Tiếng Anh K58B	Ngoại ngữ	
159	DTS235D140231043	Lường Thị Hoài Hương	1.404.000	SP Tiếng Anh K58A	Ngoại ngữ	
160	DTS245D140231073	Tăng Thị Như Quỳnh	1.404.000	SP Tiếng Anh K59C	Ngoại ngữ	
161	DTS245D140231077	Vừ Thị Sur	1.404.000	SP Tiếng Anh K59C	Ngoại ngữ	
162	DTS245D140231016	Nông Thị Ngọc Chiêm	1.404.000	SP Tiếng Anh K59A	Ngoại ngữ	
163	DTS245D140231093	Ngô Thanh Trúc	1.404.000	SP Tiếng Anh K59B	Ngoại ngữ	
164	DTS245D140231029	Trung Thu Hiền	1.404.000	SP Tiếng Anh K59C	Ngoại ngữ	
165	DTS225D1402090013	Lý Thị Đá	1.404.000	SP Toán học K57B	Khoa Toán	
166	DTS225D1402100025	Hoàng Cẩm Ly	1.404.000	Tin K57	Khoa Toán	
167	DTS235D140210072	Phìn Thị Viên	1.404.000	Tin K58	Khoa Toán	
168	DTS235D140210064	Chim Thị Thoa	1.404.000	Tin K58	Khoa Toán	
169	DTS235D140209009	Lý Thị Thanh Chúc	1.404.000	SP Toán học K58	Khoa Toán	
170	DTS235D140209048	Châu Văn Nam	1.404.000	SP Toán học K58	Khoa Toán	
171	DTS235D140209050	Lường Thị Nga	1.404.000	SP Toán học K58	Khoa Toán	
172	DTS235D140209033	Sinh A Lao	1.404.000	SP Toán học K58	Khoa Toán	
173	DTS235D140209065	Đinh Minh Quân	1.404.000	SP Toán học K58	Khoa Toán	
174	DTS235D140209076	Lê Thanh Trà	1.404.000	SP Toán học K58	Khoa Toán	
175	DTS245D140209035	Lâm Thị Thu Hà	1.404.000	Toán 59 ĐH CLC	Khoa Toán	
176	DTS245D140209075	Tần Ú Mây	1.404.000	Toán 59 ĐH CLC	Khoa Toán	
177	DTS245D140209053	Mông Thị Ngọc Huyền	1.404.000	SP Toán học K59A	Khoa Toán	
178	DTS245D140209093	Vừ Thị Sinh	1.404.000	SP Toán học K59A	Khoa Toán	
191	DTS245D140209090	Lường Thị Hương Quế	1.404.000	SP Toán học K59B	Khoa Toán	
182	DTS245D140209020	Lương Hồng Điệp	1.404.000	SP Toán học K59B	Khoa Toán	
181	DTS245D140210041	Vũ Khánh Ly	1.404.000	Tin K59A	Khoa Toán	
191	DTS245D140210083	La Văn Trường	1.404.000	Tin K59A	Khoa Toán	
183	DTS245D140210023	Nông Thế Hiền	1.404.000	Tin K59A	Khoa Toán	
184	DTS245D140210080	Bàn Quý Trọng	1.404.000	Tin K59A	Khoa Toán	
185	DTS225D140213005	Hảng Thị Bàu	1.404.000	Sinh K57	Sinh học	
186	DTS245D140247054	Đàm Thị Thoa	1.404.000	KHTN K59	Sinh học	
187	DTS245D140247028	Lương Thị Liêm	1.404.000	KHTN K59	Sinh học	
188	DTS245D140247022	Lưu Thị Thu Hương	1.404.000	KHTN K59	Sinh học	
189	DTS245D140213020	Lý Thị Hồng Xinh	1.404.000	Sinh K59	Sinh học	
190	DTS225D310403002	Luân Thị Hoa	1.404.000	TLGD-K57	Tâm Lý GD	
191	DTS225D1401010039	Nông Thị Linh Chi	1.404.000	TLGD-K57	Tâm Lý GD	
192	DTS235D310403017	Triệu Thị Huệ	1.404.000	TLHGD-K58	Tâm Lý GD	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
193	DTS245D140101014	La Thị Hương	1.404.000	GD học-K59	Tâm Lý GD	
194	DTS245D140101024	Lý Thị Luyện	1.404.000	GD học-K59	Tâm Lý GD	
195	DTS245D140101030	Hoàng Hoài Nhi	1.404.000	GD học-K59	Tâm Lý GD	
196	DTS245D140101035	Lãnh Minh Thao	1.404.000	GD học-K59	Tâm Lý GD	
197	DTS245D310403050	Vì Thị Tường	1.404.000	TLHGD-K59	Tâm Lý GD	
198	DTS225D140212001	Triệu Thị Anh	1.404.000	SP Hóa học K57	Hóa học	
199	DTS225D1402120019	Hứa Thị Nguyệt	1.404.000	SP Hóa học K57	Hóa học	
200	DTS245D140212020	Hoàng A Pù	1.404.000	SP Hóa học K59	Hóa học	
201	DTS245D140218014	Lê Thị Hương Lan	1.404.000	SP Lịch sử K59	Lịch sử	
202	DTS235D140218025	Bùi Thị Mai Thương	1.404.000	SP Lịch sử K58	Lịch sử	
203	DTS235D140218003	Chu Thị Ngọc Ánh	1.404.000	SP Lịch sử K58	Lịch sử	
204	DTS235D140218006	Tô Minh Điệp	1.404.000	SP Lịch sử K58	Lịch sử	
205	DTS235D140218016	Nông Thị Linh	1.404.000	SP Lịch sử K58	Lịch sử	
206	DTS235D140218020	Lê Tú Quỳnh	1.404.000	SP Lịch sử K58	Lịch sử	
207	DTS235D140218027	Triệu Thanh Thảo	1.404.000	SP Lịch sử K58	Lịch sử	
208	DTS225D140218003	Lý Kim Chi	1.404.000	SP Lịch sử K57	Lịch sử	
209	DTS225D140218008	Lường Ngọc Duyên	1.404.000	SP Lịch sử K57	Lịch sử	
210	DTS225D1402180034	Đặng Thị Thương	1.404.000	SP Lịch sử K57	Lịch sử	
211	DTS225D1402180036	Bế Quỳnh Trang	1.404.000	SP Lịch sử K57	Lịch sử	
212	DTS225D1402180039	Lý Thị Uyên	1.404.000	SP Lịch sử K57	Lịch sử	
213	DTS225D1402180028	Lương Thị Nương	1.404.000	SP Lịch sử K57	Lịch sử	
214	DTS225D1402190038	Hà Anh Tuấn	1.404.000	SP Địa lý K57	Địa lý	
215	DTS225D140219002	Lăng Thị Ngọc Ánh	1.404.000	SP Địa lý K57	Địa lý	
216	DTS225D1402190051	Hồ Thị Nu	1.404.000	SP Địa lý K57	Địa lý	
217	DTS225D1402190044	Lý Thị Hồng	1.404.000	SP Địa lý K57	Địa lý	
218	DTS225D1402190018	Nguyễn Phương Loan	1.404.000	SP Địa lý K57	Địa lý	
219	DTS225D1402190047	Lý Thị Thu Phương	1.404.000	SP Địa lý K57	Địa lý	
220	DTS225D1402490018	Luân Thị Lan	1.404.000	SP Lịch sử-Địa lý K57	Địa lý	
221	DTS225D140249004	Hầu Văn Ánh	1.404.000	SP Lịch sử-Địa lý K57	Địa lý	
222	DTS225D1402490051	Hà Tiến Tôn	1.404.000	SP Lịch sử-Địa lý K57	Địa lý	
223	DTS225D1402490045	Triệu Thị Thu	1.404.000	SP Lịch sử-Địa lý K57	Địa lý	
224	DTS235D140219029	Hoàng Thị Thúy	1.404.000	SP Địa lý K58	Địa lý	
225	DTS235D140219031	Hà Tổ Uyên	1.404.000	SP Địa lý K58	Địa lý	
226	DTS235D140219030	Bế Đình Trần	1.404.000	SP Địa lý K58	Địa lý	
227	DTS235D140219033	Phùng Quốc Việt	1.404.000	SP Địa lý K58	Địa lý	
228	DTS235D140249027	Pờ Mỹ Hoa	1.404.000	SP Lịch sử - Địa lý K58	Địa lý	
229	DTS235D140249009	Hoàng Văn Đăng	1.404.000	SP Lịch sử - Địa lý K58	Địa lý	
230	DTS235D140249054	Hoàng Thị Phin	1.404.000	SP Lịch sử - Địa lý K58	Địa lý	
231	DTS235D140249007	Sùng Seo Cú	1.404.000	SP Lịch sử - Địa lý K58	Địa lý	
232	DTS235D140249056	Đinh Thủy Sinh	1.404.000	SP Lịch sử - Địa lý K58	Địa lý	
233	DTS235D140249004	Ma Thị Bình	1.404.000	SP Lịch sử - Địa lý K58	Địa lý	
234	DTS245D140219022	Xa Thúy Vinh	1.404.000	Địa lý K59	Địa lý	
235	DTS245D140249042	Bế Ích Tuấn	1.404.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
236	DTS245D140249011	Lý Bích Hào	1.404.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
237	DTS245D140249021	Nông Thị Vân Ly	1.404.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
238	DTS245D140249026	Đàm Thị Nguyệt	1.404.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
239	DTS245D140249031	Dương Thị Tâm	1.404.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
240	DTS245D140249040	Vì Đình Trọng	1.404.000	Lịch sử -Địa lý K59	Địa lý	
241	DTS245D140206029	Lò Hồng Lan	1.404.000	GD Thể chất K59	TDDT	
242	DTS245D140206040	Luân Thanh Tùng	1.404.000	GD Thể chất K59	TDDT	

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tiền 01 tháng (VNĐ)	Lớp	Khoa	Ghi chú
243	DTS245D140206035	Thắm Vinh Quang	1.404.000	GD Thẻ chất K59	TDTT	
244	DTS235D140206030	Triệu Thị Huyền	1.404.000	GD Thẻ chất K58	TDTT	
245	DTS235D140206007	Triệu Ánh Cúc	1.404.000	GD Thẻ chất K58	TDTT	
246	DTS225D140206008	Sùng A Doanh	1.404.000	GD Thẻ chất K57	TDTT	
247	DTS225D1402060037	Sùng A Trường	1.404.000	GD Thẻ chất K57	TDTT	
248	DTS225D1402060019	Lý Quốc Huy	1.404.000	GD Thẻ chất K57	TDTT	
TỔNG			348.192.000	x	x	x

Ấn định danh sách: 248 Sinh viên